|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 15** **NS: //2023** |  |

**BÀI 5 – NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI**

**Môn học**: Ngữ văn/Lớp: 8

**Thời gian thực hiện**: 17 tiết (56-72)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học, biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.

 - Viết được văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống.

 - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

 **2. Phẩm chất:**

 - Ý thức được sự bình đẳng, dân chủ, có thái độ phê phân cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ND:**

**Tiết 56 TRI THỨC NGỮ VĂN: HÀI KỊCH**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống con người?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Những tình huống khôi hài

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua gợi ý SGV

**c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* trong SGK (trang 96) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc phần giới thiệu bài học**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp. - GV chốt kiển thức về chủ đề bài học 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.** - Chủ đề 5: Trong tác phẩm văn học, cuộc sống luôn hiện lên một cách đa dạng, sinh động với nhiều cung bậc, góp phần thoả mãn nhu cầu tinh thần, đời sống tình cảm muốn màu muôn vẻ của con người. Khúc tráng ca hào sảng về chiến công vang dội của người anh hùng; khúc bi ca ai oán, xót thương trước những thân phận thua thiệt, bé mọn; tràng cười sâu cay, chua chát khi cuộc sống hiện ra như những tấn trò đời;... tất cả đều cần thiết cho dời sống con người và không có cung bậc nào có thể thay thế cho cung bậc nào.Qua một số văn bản hài kịch như Ông Giuốc-đanh (Jourdain) mặc lễ phục, Cái chúc thư, "Thuyền trưởng tàu viễn dương” trong bài học này, các em sẽ được học cách đọc hiểu văn bản hài kịch; từ đó, hiểu thêm về đặc điểm, giá trị của tiếng cười trong thể loại văn học này. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

1. **Mục tiêu:**

 - Xác định được khái niệm và đặc điểm, một số yếu tố trong hài kịch

- Nhận biết được căn cứ để xác định chủ đề

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thể loại hài kịch****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về hài kịch*+ Hài kịch là gì?**+ Nhân vật trong hài kịch thường là đối tượng nào?**+ Hành động trong hài kịch có đặc điểm gì?***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.và mối liên hệ giữa các yếu tố này.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 97) **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS ghi chép tóm lược nội dung kiến thức**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn****1/ Hài kịch*****Hài kịch*** là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗ bịch, lỗi thời của con người. ***Nhân vật của hài kịch*** là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biển cổ dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu. **Hành động trong hài kịch** là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lờithoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hải kịch. Hành động thể hiệnqua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phân công; thăm dò – làng tránh; chất vấn –chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/ bác bỏ, cầu xin – từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hải kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột; qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.***Xung đột kịch*** thường này sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thể lực. Có nhiều kiểu xung đột, xung đột giữa cái cao cả với cải cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cải thấp kém với cái thấp kém,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vậtxung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém. Ví dụ: xung đột giữa những kẻ có mưu đồ đen tối với nhau hay xung đột giữa thói keo kiệt, bủn xỉn của một kẻ cho vay nặng lãi với nhu cầu tiêu pha lãng phi của những đứa con hư...***Lời thoại*** là lời của các nhân vật hải kịch nói với nhau (đối thoại)nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bằng thoại) góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.***Lời chỉ dẫn sân khấu*** là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục,hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ, ...**2/ Căn cứ để xác định chủ đề**Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Để xác định chủ đề của tác phẩm văn họccần dựa trên nhiều yếu tố nhưnhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn từ. thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trở tỉnh (trong tác phẩm thơ); cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột,... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch)**3. Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ**- Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu.- Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:+ Trợ từ nhấn mạnh(những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.+ Trợ từ tình thái(tiểu từ tính thái) (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối cuối, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn , câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:+ Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)+ Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, ừ....)Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn.*

+ Soạn bài: ***Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục***

ND:

**TIẾT 57 VĂN BẢN 1: ÔNG GIUỐC - ĐANH MẶC LỄ PHỤC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *học*

**b. Nội dung:** GV tổ chức hoạt động trò chơi “BINGO Ô CHỮ”

**c. Sản phẩm:** Đáp án của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “BINGO Ô CHỮ”

- GV sẽ đưa ra các câu hỏi, HS tìm đáp án trong phiếu BINGO

- HS nào tìm được 5 ô chữ theo hàng dọc, ngang, chéo trong thời gian sớm nhất sẽ giành chiến thắng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:* đọc và tìm kiếm những thông tin về tác giả, tác phẩm*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả :** Môlie (1622-1673) là nhà soạn kịch lớn của pháp, đồng thời là diễn viên thường đóng các vai chính trong một số vở kịch của chính mình.**2. Tác phẩm :**Trích trong vở kịch năm hồi: “Trưởng giả học làm sang”(1670)- Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi II.- Vở kịch nói về Ông giuốc đanh một nhà buôn giàu có nhưng dốt nát quê kệch học đòi làm sang → nhiều kẻ lợi dụng, nịnh hót để moi tiền.- Thể loại: Hài kịch- Bố cục:- Gồm 2 cảnh :+) Cảnh 1:Từ đầu→ cho các nhà quý phái, gồm 4 nhân vật Giuốc-đanh,gia nhân, phó may, thợ phụ, cảnh này chỉ có lời thoại của 2 nhân vật Giuốc- đanh và tay thợ phụ→ nói chuyện trang phục nhất là chiếc áo.+) Cảnh 2: Phần còn lại, tăng thêm 4 nhân vật ( thợ phụ) và cộng thêm rất nhiều động tác : bốn tay thợ phụ cởi quần cộc áo ngắn của ông Giuốc-đanh rồi mặc lại cho ông bộ lễ hục theo nhịp điệu của dàn nhạc , ông Giuốc- đanh đi đi lại lại phô áo mới, chân bước , miệng nói theo điệu nhạc => Giuốc đanh mặc lễ phục. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**
* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:Thảo luận nhóm đôi****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Liệt kê các nhân vật xuất hiện trong vở kịch. Ghi lại 3 từ khóa liên quan đến tính cách của nhân vật* *+ Theo em vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong hài kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2 : Hoạt động cá nhân****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: Cho biết: a, Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: .... " Ông Giuốc-đanh ( nhìn áo của bác phó may)...", " Ông Giuốc-đanh .... (nói riêng) ..." là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản kịch?b, Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  | a. Cảnh 1: ông Giuốc- đanh và phó may.- Tại phòng khách nhà ông Giuốc- đanh bác phó may mang bộ lễ phục đến- Có 4 nhân vật : ông Giuốc đanh , bác phó may , tay thợ phụ,gia nhân của giuốc đanh.- Đối thoại chính: ông Giuốc- đanh và phó may.- Chuyện xoay bộ trang phục mới của ông Giuốc - đanh (bộ lễ phục, đôi bít tất, giày, bộ tóc giả và lông đính mũ…)Chủ yếu là bộ lễ phục.- Chiếc áo ngược hoa. Có thể do sơ xuất cũng có thể là cố tình mà phó may đã may chiếc áo hoa ngược khiến Giuốc - đanh thành trò cười.- Ông Giuốc-đanh chưa phải mất hết tỉnh táo, vẫn nhận ra chiếc áo ngược hoa.- Phó may vụng chèo khéo chống bịa ra lí lẽ thuyết phục khiến ông Giuốc-đanh hài lòng.- Giuốc đanh phát hiện phó may ăn bớt vải. Phó may lảng sang chuyện khác→ nhắc Giuốc đanh mặc thử áo, đánh vào tâm lí.=> Đoạn kịch có kịch tính cao Phó may đang ở thế bị động sang chủ động, tiếp đến ông Giuốc đanh phát hiện ra phó may ăn bớt vải chuyển sang chủ động→ phó may chống trả yếu ớt. Nhưng ông ta đã đảo ngược tình huống bằng một nước cờ cao tay đánh vào tâm lí trưởng giả học làm sang của ông Giuốc- đanh.\* Ông Giuốc đanh dốt nát dễ bị mắc lừa mà vẫn tưởng mình “sang”.**b. Cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tốp thợ phụ.**- Tác giả chuyển cảnh hết sức tự nhiên và khéo léo bằng việc ông Giuốc - đanh mặc lễ phục xong là được tốp thợ phụ tôn xưng → khiến ông ta tưởng mặc lễ phục vào là thành quý phái.- Chúng nắm được điểm yếu để nịnh hót, tâng bốc → moi tiền.- Phép tăng tiến trong lời tâng bốc→ Sự học đòi làm sang càng ngày càng mãnh liệt (sẵn sàng cho hết tiền để được sang hão )=> Ông Giuốc - đanh, thích học đòi, mua danh hão mâu thuẫn với sự dốt nát, bị người khác lợi dụng, kiếm chác.**c. Nhân vật hài kịch bất hủ:**- Khán giả cười sự ngu dốt khiến phó may lợi dụng kiếm chác( tất chật, giày chật, ăn bớt vải …)- Cười ông ngớ ngẩn mặc áo ngược hoa mà tưởng mình sang trong quý phái , cười ông ta bỏ tiền để mua danh hão.- Nhất là cảnh 4 tay thợ phụ lột quần áo ông Giuốc- đanh mặc cho ông ta bộ lễ phục ngược hoa lố lăng, sặc sỡ mà ông ta vẫn vênh váo tưởng mình quý phái làm cho khán giả cười vỡ rạp.**III. TỔNG KẾT****a. Nghệ thuật:**- Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động- Vở kịch ngăn nhưng mâu thuẫn kịch sinh động, hấp dẫn và gây cười**b. Nội dung**Phê phán thói học đòi cao sang củatầng lớp trưởng giả |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Ông Giuốc đanh mặc lễ phục

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: TRÒ CHƠI “THỬ TÀI THÔNG THÁI” qua các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày suy nghĩ

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Câu 1: Lớp kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục nằm ở vị trí nào trong vở kịch Trưởng giả học làm sang ?

A. Kết thúc hồi II của vở kịch      C. Kết thúc cả vở kịch

B. Mở đầu hồi II của vở kịch      D. Kết thúc hồi III của vở kịch

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục gồm mấy cảnh ?

A. Bốn cảnh      C. Hai cảnh

B. Ba cảnh      D. Một cảnh

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.

B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.

C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.

D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?

A. Màu đen      C. Trang nhã, rẻ tiền

B. Hoa ngược      D. Gồm ý A và B

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Thái độ của ông Giuốc -đanh khi nghe bác phó may giải thích những người quí phái đều mặc áo may hoa ngược như thế nào ?

A. Chê chiếc áo may hoa ngược và yêu cầu bác phó may phải may lại.

B. Chấp nhận chiếc áo may hoa ngược và tỏ ý muốn mặc thử nó.

C. Tán thưởng vẻ sang trọng của chiếc áo may hoa ngược.

D. Thắc mắc vì sao những người quí phái lại mặc áo hoa ngược.

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

B. Dốt nát, kém hiểu biết.

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hỉnh.

**Chọn đáp án: B**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầutrả lời câu hỏi:Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

***Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?***

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**ND:**

**TIẾT 58,59 VĂN BẢN 2: CÁI CHÚC THƯ**

 **(Vũ Đình Long)**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

**b. Nội dung:** Trò chơi “ VUA TIẾNG VIỆT”

**c. Sản phẩm:** Các từ khóa HS sắp xếp được

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Vua Tiếng Việt” với yêu cầu HS sắp xếp thứ tự các chữ cái tạo thành từ có nghĩa.

a. i/k/c/h/a/n/m

b.ư/t/i/n/ê/g/c/ơ/i

c. ư/c/h/c/u/h/t

d. n/a/h/đ/ê/n

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản **Cái chúc thư**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:*+ Ghi lại 3 thông tin về tác giả Vũ Đình Long+ Xác định thể loại của văn bản *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung****1.Tác giả** - Vũ Đình Long (1896 -1960), quê ở thôn Mục Xá, xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Hà Đông (cũ) nay thuộc Hà Nội.- Ông sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, rất mê ca kịch dân tộc- Ông là tác giả của nhiều vở kịch hiện đại như: Chén thuốc độc (1921), Tòa án lương tâm (1923), Đàn bà mới (1944), Tổ quốc trên hết (1949, phóng tác), Gia tài (1958, phóng tác)**2. Tác phẩm**a. Thể loại: Kịchb. Xuất xứ: - Tác phẩm trích Hồi IV (Lớp thứ III, IV, V , VI ) của vởi hài kịch Gia tàiIn trong Tuyển tập kịch Vũ Đình Long, NXB hội nhà văn, 2009 |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a.Mục tiêu:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ KHĂN TRẢI BÀN** - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Nêu một số biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng **\* Nhiệm vụ 2****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:**- GV yêu cầu HS thảo luận:*+ Ghi lại 3 từ khóa tương ứng với tính cách mỗi nhân vật trong vở kịch+ Nhận xét đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa ba nhân vật này?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức** | **II. Tìm hiểu chi tiết****1/ Hành động kịch trong văn bản**a.Nhân vật Hy Lạc**Hành động kịch qua lời đối thoại**- Thuyết phục nhân vật Khiết đóng giả chữ ký thay của người cụ bị tê liệt tay.- Trấn an nhân vật Khiết.- Làm mọi chuyện chỉ vì tình yêu và để lấy được người yêu.- Vờ đau đớn khi người bác để lại gia tài cho mình.- Tức tối, chửi rủa khi biết mình nhận được tiền.**Hành động kịch qua lời độc thoại**- Chửi thầm Khiết khi tự ý để tiền lại cho mình và không làm theo kế hoạch ban đầu**Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**- Tức giận- Vui mừng-Vờ khóc, vờ đau đớn- Chửi thầmb. Nhân vật Khiết**Hành động kịch qua lời đối thoại**- Lúc đầu sợ sệt, nhưng khi nghe Hy Lạc cổ vũ thì vẫn làm liều.- Ngồi cạnh Hy Lạc để tránh bị mọi người phát hiện.- Không muốn làm đám tang của mình quá to.- Không làm như đã thỏa thuận ban đầu với Hy Lạc, để lại toàn bộ gia sản cho bản thân mình.**Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**- Vui mừngc. Nhân vật Lý**Hành động kịch qua lời đối thoại**- Giúp khiết đóng giả bác- Muốn ở bên cạnh Khiết để xem xét- Giả vờ cảm ơn khi Khiết bảo sẽ để lại cho gia tài- Vui mừng khi được để cho hai trăm ngàn đồng**Hành động kịch qua lời độc thoại**- Sợ Khiết quên mình - Mừng khi việc làm giả hoàn thành**Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**- Bất ngờ- Vui mừng**2. Tính cách nhân vật**Điểm giống là **cả ba đều ham tiền tài, tham của, và sẵn sàng làm mọi chuyện để đạt lợi ích cho mình.** Đặc biệt, qua cách thể hiện ta còn thấy ba người đều là **những kẻ giả dối, là đại diện cho cả một xã hội loạn lạc và suy đồi đạo đức.**Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa họ như sau:*- Hy Lạc:* Mưu mô, tính toán nhưng vẫn bị Khiết trục lợi mà không thể làm gì.*- Khiết:* Ban đầu thì lo sợ bị phát hiện, nhưng vì tiền nên dám liều, lợi dụng sơ hở để trục lợi cho mình.*- Lý:* Là một kẻ ba phải, khi thấy mình được lợi thì vui mừng dù không can thiệp vào tranh chấp của hai nhân vật trên. Chị ta còn là kẻ ngu muội, bị tiền tài làm mờ mắt và có thể mua chuộc bằng 200 ngàn đồng.**3. Thủ pháp trào phúng** Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện qua rất nhiều chi tiết, từ hành động đến lời nói của các nhân vật.- Khiết rất sợ, nhưng khi thấy tiền liền nổi lòng tham, đồng ý vào vai nhân vật và biết cách lợi dụng sơ hở để trục lợi cho bản thân.- Hy Lạc rất vui vì Khiết đã nhận lời diễn kịch, nhưng khi thấy lợi không về mình thì liền tức tối và thậm chí chửi rủa Khiết.- Lý là một kẻ ba phải, bất ngờ vì hành vi lật lọng của Khiết nhưng vì mình cũng được chia lợi liền vui mừng.- Những lời nói của nhân vật thể hiện rõ tính cách của các nhân vật, lại càng làm tăng thêm bộ mặt giả nhân giả nghĩa. Các hành động giả vờ cũng được thể hiện một cách rất mỉa mai, làm nổi bật được sự tương phản sâu sắc.**III/ TỔNG KẾT****1/Nghệ thuật**- Xây dựng tình huống truyện đặc sắc- Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng- Xây dựng tính cách nhân vật chân thực**2/ Nội dung**Qua văn bản trên, tác giả muốn gửi đến người đọc người xem thông điệp là sự phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Cái chúc thư

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:

a. Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các Lớp kịch III, IV, V, VI.

b. “Cái chúc thư” cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai các nhân vật trong vở kịch, trình diễn trước lớp

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Các tổ phân vai diễn lại vở kịch

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đóng kịch

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung của văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

 *--------------------------------------------------------------*

**ND:**

**TIẾT 60 ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIẾM**

 **(A-zit Nê - xin)**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

**b. Nội dung:**TRÒ CHƠI “GIẢI MÃ Ô CHỮ”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi: GIẢI MÃ Ô CHỮ, luật chơi:

+ GV sẽ chiếu hình ảnh bị che một số phần, để lật mở những mảnh bị che tìm ra đáp án chìa khóa, HS phải trả lời đúng được các câu hỏi của GV đưa ra

+ Đáp án ô chữ: Giáo sư

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Loài vi trùng quý hiếm*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Loài vi trùng quý hiếm”*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả A -zit Nê - xin*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung*****1. Tác giả*** Azit Nexin (Aziz Nesin), tên khai sinh Mehmet Nusret Nesin (20/12/1915 — 6/7/1995), là một nhà văn châm biếm nổi tiếng thế giới của Thổ Nhĩ Kỳ.***2. Tác phẩm*** Theo Tuổi trẻ cười, số ra ngày 11/9/2019- Thể loại: Hài kịch |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a.Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thể loại và đề tài của văn bản

- HS phân tích được tính cách nhân vật ông giáo sư và các cộng sự

- HS chỉ ra và phân tích được yếu tố gây cười trong văn bản

- HS nhận xét được cách đặt nhan đề của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  **\* Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm đôi****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào?**+ Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**\* Nhiệm vụ 2****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:**- GV yêu cầu HS suy nghĩ và bày tỏ quan điểm cá nhân:*+Nhận xét về cách đặt nhan để cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.***Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức** | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Tình huống truyện – yếu tố gây cười trong văn bản**- Tình huống của truyện: Một bệnh nhân đau mắt đến gặp giáo sư, ông giáo sư tự mãn vì tìm thấy con vi trùng quý hiếm trong mắt bệnh nhân. Sự ngược đời ở chỗ, các trợ giảng cảm thấy vui mừng, tự hào vì phát minh được cho là vĩ đại này mà quên mất không chữa trị mắt cho bệnh nhân, khiến bệnh nhân bị mù. =>Đó chính là sự châm biếm của tác giả cho những con người tự mãn ở trong truyện.**2/Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự**- Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang, mừng rỡ khi phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm mà không quan tâm đến sức khỏe, tính mạng của bệnh nhân.- Người kể chuyện có thái độ dè bỉu với các nhân vật này.- Dựa vào lời văn trong văn bản và những cuộc hội thoại giữa các nhân vật.**3. Cách đặt nhan đề**Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “Loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản hoàn toàn nhằm mục đích châm biếm chứ không phải ca ngợi phát minh vĩ đại. - Đã là vi trùng gây đau mắt và có thể gây mất thị giác cho người bệnh thì nó là vi trùng có hại. =>Điều này hoàn toàn là châm biếm vị giáo sư tự mãn này. - Việc phát hiện ra con vi trùng khiến ông vui mừng đến nỗi không để tâm việc chữa trị cho bệnh nhân trong khi trọng trách lớn nhất của người bác sĩ là cứu người, những điều nên là thì bác sĩ lại quên. - Khi bệnh nhân đã bị mù thì ông ta lại tươi cười rạng rỡ khẳng định mình đã nói đúng về con vi trùng.**III/ TỔNG KẾT**1/ Nghệ thuật- Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng, tạo tiếng cười cho người đọc- Khắc họa rõ nét tính cách nhân vật qua lời thoại2/ Nội dungPhê phán hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Loài vi trùng quý hiếm

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên

**c. Sản phẩm học tập:**đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học,bày tỏ quan điểm cá nhân

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Bày tỏ quan điểm của em về ranh giới giữa “tự tin” và “tự cao”, làm thế nào để hạn chế được cái “tôi” quá cao?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

 -------------------------------------------------------------

**ND:**

**TIẾT 61,62 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Trò chơi: “THỬ TÀI NHANH MẮT”

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Luật chơi: GV sẽ phát cho HS phiếu tra từ. Khi nghe hiệu lệnh, GV sẽ đọc các từ, nhiệm vụ của HS là nhanh tay khoanh vào các từ giáo viên đọc.

Sau đó HS có nhiệm vụ ghép các từ thành câu có nghĩa. Bạn nào ghép thành câu đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết và xác định được trợ từ, thán từ

- HS nêu được chứ năng của trợ từ, thán từ

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | - Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câuVí dụ: những, có, chính, mỗi, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:+Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.+ Trợ từ tình thái (tiểu từ tính thái) (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối cuối, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn , câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói- Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:+ Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)+ Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, ừ....)Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 115 - 116

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 115 - 116

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về trợ từ, thán từ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học tạo lập đoạn văn sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

**c. Sản phẩm học tập**: Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu (chủ đề tự do) trong đó có sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Đáp án bài tập**

**Câu 1**

**Câu 1 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:

a. – *A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – *Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. –*Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù mọt gông, chứ chẳng chơi đâu.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Thán từ: A!

Trợ từ: à

b. Trợ từ: chứ, cả

c. Thán từ: ạ

**Câu 2**

**Câu 2 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:

a. – Ớ này! Vào đây, các chú.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – “Cụ lớn”, ồ ồ, cụ lớn!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. – Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức thán từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Thán từ: Ớ này! => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

b. Thán từ: ồ ồ => Thán từ thực hiện chức năng bộc lộ cảm xúc

c. Thán từ: Ô kìa => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

**Câu 3**

**Câu 3 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Trong các cặp câu a1 – a2; b1 – b2 dưới đây, những từ in đậm nào là trợ từ? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?

a1. Tôi đau đớn quá! Tôi chết **mất** thôi.

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

a2. Tôi đi từ nhà đến trường **mất** hơn nửa giờ

(Nhóm biên soạn)

b1. Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm **kia**, cậu ạ

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b2. Người ấy chỉ tay ra xa và nói: “Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng **kia**”.

(Truyện dân gian Việt Nam)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ:

**Lời giải chi tiết:**

Từ “mất” trong câu a1 và từ “kia” trong câu b1 là trợ từ. Em xác định như vậy vì từ “mất” và “kia” dùng để nhấn mạnh thông tin được đề cập tới.

**Câu 4**

**Câu 4 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.

a. Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?

(Vũ Đình Long, *Cái chúc thư*)

b. Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

c. Bẩm, đúng ạ!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

d. Ngài và đoàn tùy tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Trợ từ: “ư” thể hiện thái độ bất ngờ, ngỡ ngàng, không tin đó là sự thật

b. Trợ từ: “à” diễn tả một việc đó đã diễn ra rất nhiều lần, đến chán nản

c. Trợ từ: “ạ” thể hiện sự kính cẩn, lễ phép

d. Trợ từ: “đến” diễn tả một việc gì đó vượt ngoài khả năng

=> Chức năng của các trợ từ trên là bổ nghĩa, nhấn mạnh

**Câu 5**

**Câu 5 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

- Hai câu có sử dụng thán từ:

“Cái áo này đẹp quá!”

“Bất ngờ quá, em cảm ơn anh.”

- Hai câu có sử dụng trợ từ:

“Lạnh đến mức tôi không thể chịu đựng được.”

“Bạn phải chăm chỉ hơn chứ.”

**Câu 6**

**Câu 6 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các em đã sử dụng những trợ từ và thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó.

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các trợ từ và thán từ đã được sử dụng là:

- Thán từ: quá, ơi, lắm, ôi, Chao ôi.

=> Tác dụng: Thể hiện thái độ bất ngờ, ngạc nhiên, tức giận của các nhân vật

- Trợ từ: a, ạ, đấy, tất cả, này, à, ư

=> Tác dụng: Bổ sung và nhấn mạnh điều được nói đến trong lời thoại

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

 -----------------------------------------------------------------

**ND:**

**TIẾT 63 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: THUYỀN TRƯỞNG TÀU VIỄN DƯƠNG (Lưu Quang Vũ)**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mở

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: ***Em đã được xem vở kịch nào chưa? Nếu có đó là tác phẩm nào?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS:*+ Xác định thể loại của văn bản.+ Tóm tắt kịch bản*- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS lắng nghe.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**- Thể loại: kịch- Tóm tắt:Ông Toàn Nha, chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã Cà Hạ, vì hảo danh mà phát động một cuộc “thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn”, mong biến xã nhà thành một biểu tượng của phong trào đổi mới nông thôn, mặc dù về trình độ văn hoả, ông mới chỉ “học hết lớp 4”. Với sự tham mưu của thư kí Văn Siêu, ông cho tiến hành một loạt “cải cách” như: đổi tên xã (xã “Cà Hạ” thành xã “Hùng Tâm”); đổi tên các phòng, ban dưới quyền mình thành các “Trung tâm …”; lấy sản xuất pháo nổ, thu mua lông vịt xuất khẩu,… làm trọng điểm phát triển kinh tế xã; coi trọng việc bảo cáo, tuyên truyền về thành tích trong các hội nghị, lễ tổng kết hơn phát triển thực lực của địa phương. Hưng, một anh thợ lái tàu đường sông, người yêu của cô Nhàn, con gái ông Toàn Nha, có chuyển về quê đúng dịp ở địa phương tổ chức lễ tổng kết phong trào đổi mới do ông Toàn Nha chủ trì. Theo lời khuyên của người chủ, anh bất đắc dĩ phải nói dối mình là một thuyền trưởng tàu viễn dương để xuất hiện như một khách mời làm sang cho buổi lễ, nhằm mong được ông Toàn Nha chấp nhận là con rể.Nhưng vì tự trọng, Hưng bỏ dở “vai diễn”, định lái tàu bỏ trốn. Một vụ cháy nổ lớn xảy ra tại trụ sở Uỷ ban xã, do thuốc pháo không được bảo quản đúng cách, gây nên cảnh náo loạn. Bị bỏng nặng, phải đi cấp cứu bằng đường sông trên chiếc tàu chở phân đạm của Hưng, ông Toàn Nha vẫn mơ màng, hãnh diện rằng ông đang được chở đi trên chuyển “tàu viễn dương” (tàu đi lại trên các vùng biển xa) do chàng rể tương lai – một vị thuyền trưởng dạn dày với hành trình trên các đại dương – điều khiển. Phần văn bản trong bài này được trích ở cảnh cuối của vở kịch. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a.Mục tiêu:**

- Xác định được diễn biến các sự kiện, tác động qua lại trong hành động của các nhân vật

- Nhận biết xung đột kịch qua quá trình nảy sinh, phát triển, giải quyết xung đột kịch

- Xác định được ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1: KHĂN TRẢI BÀN****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+Ghi lại 5 hành động, chi tiết cho thấy tính cách của nhân vật Ông Toàn Nha**+ Từ đó cho biết:* ***Giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ” có gì khác nhau?***- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức.****\* Nhiệm vụ 2: Thực hiện cá nhân****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Điều gì khiến ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương?**+ Tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật sau: giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn; giữa Hưng và Nhàn.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng**GV chốt lại kiến thức.** | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Nhân vật ông Toàn Nha**Nhân vật Ông Toàn Nha là hiện thân đầy đủ cho người mắc “bệnh sĩ”- Ông vì háo danh mà phát động cuộc thay trời đổi đất dù ông chỉ học hết lớp 4, khoe khoang người con rể tương lai đóng giả thuyền trưởng tàu viễn dương… - Ông làm mọi việc để có thể thể hiện bản thân, nâng cao tên tuổi của mình mà bất chấp thật giả, thậm chí có thể hại người khác.- Ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương là vì ông háo danh nên bảo anh Hưng giả làm thuyền trưởng, giả như mình đang được đi trên một “con tàu viễn dương”.**2. Hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa Tiến và Hưng; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn, giữa Hưng và Nhàn trong văn bản**- Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến và Hưng là: Khi Hưng cởi bộ quần áo thuyền trưởng ra và có ý định chạy trốn.→ Hành động giải quyết xung đột: Tiến chỉ chỗ trốn cho Hưng vào trong hòm và giúp Hưng đẩy bọn Nhàn ra xa.- Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn là: Bắt nguồn từ cuộc trò chuyện trên thuyền chở phân đạm cho địa phương. Khi Nhàn và Xoan luôn khen ngợi chiếc tàu viễn dương và tài năng của những người lái chiếc tàu đó, đồng thời phủ nhận chiếc tàu chở phân đạm.→ Hành động giải quyết xung đột: Khi mọi người nghe thấy tiếng nổ lớn và cùng nhau đi dập lửa.- Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Hưng và Nhàn: Hưng nói dối Nhàn về thân phận là người lái con tàu chở phân đạm.→ Hành động giải quyết xung đột: Hưng nói sự thật cho Nhàn biết.**3. Một số thủ pháp trào phúng trong văn bản.**– Nhà văn đã tạo ra các tình huống xung đột giữa các nhân vật để làm nổi bật hậu quả của sự giả dối. Ví dụ, Hưng đã nói dối Nhàn nhưng Nhàn lại biết sự thật; Ông Nha đã bị bỏng và được chở đi trên con tàu chở phân đạm nhưng khi tỉnh dậy vẫn nghĩ mình đang trên tàu viễn dương.– Tác giả sử dụng ngôn từ mang tính châm biếm, ví dụ như việc gọi các nhân vật là “háo danh sĩ”, “viễn dương cơ” hay “biển cơ”. Bản thân việc có “háo danh” làm cho các nhân vật rơi vào những tình huống rắc rối và đau khổ– Để miêu tả rõ nét tính cách của các nhân vật và chỉ ra sự thái quá của thói sống háo danh, mắc bệnh sĩ, tác giả đã sử dụng câu từ châm biếm và tạo ra các tình huống xung đột trong truyện.**III/ TỔNG KẾT**1/ Nghệ thuật+ Có bố cục rõ ràng, có lời kể, lời thoại, lời dẫn.+ Tình huống truyện vừa mỉa mai, vừa hài hước, thể hiện nét châm biếm của tác giả.+ Sử dụng hiệu quả thủ pháp trào phúng2/ Nội dungPhê phán những thói hư tật xấu của con người đặc biệt là “bệnh sĩ diện” |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai diễn lại câu chuyện

**c. Sản phẩm học tập:** Vở kịch của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra bài học rút ra qua vở kịch

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *rút ra bài học*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sau khi học xong văn bản, em rút ra được bài học gì?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

 *----------------------------------------------------------*

**TIẾT 64 ÔN TẬP CUỐI KỲ I**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi*: Em đã học những nội dung nào trong học kì 1?*

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ

***B3: Báo cáo, thảo luận***

1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.

***B4: Kết luận, nhận định (GV)***

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, thực hành ôn tập.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**- GV chia nhóm:+ Nhóm 1: Hoàn thành câu hỏi phần ĐỌC+ Nhóm 2: Hoàn thành câu hỏi phần TIẾNG VIỆT+ Nhóm 3: Hoàn thành câu hỏi 1, 2 phần VIẾT+ Nhóm 4: Hoàn thành câu hỏi 1, 2, 4 phần NÓI VÀ NGHE**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.**B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung(Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)**B4: Kết luận, nhận định (GV):** - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2. | **I. ĐỌC**1. Nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm tương ứng ở cột B:1 – d; 2 – c; 3 – e; 4 – a; 5 – b2. Chọn một văn bản tiêu biểu cho mỗi thể loại đã học trong HKI để hoàn thành bảng sau: 3. Tóm tắt những kinh nghiệm em đã tích lũy được ở học kì I về việc đọc hiểu văn bản theo một số thể loại cụ thể.  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  | **II. TIẾNG VIỆT****1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu**  a. Đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch  b. Câu chủ đề của đoạn văn trên là: *Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trong với cấu trúc cơ thể của chúng ta.*  c. Tìm từ Hán Việt:- Thân thể: thân mình. Chỉ chung mình mẩy chân tay của một người.- Hài hòa: phối kết phù hợp và cân đối, hòa thuận nhịp nhàng.- Khôi phục: Cái gì đã mất mà lấy lại được, làm cho việc gì trở lại như vốn có, như trước đó gọi là “khôi phục”. **2. Xác định từ ngữ địa phương, thán từ**  a. Từ ***miệt*** là từ ngữ địa phương, được dùng để chỉ “vùng,miền, thường không lớn lắm”.  b. Trong bài ca dao, ***“ơi”*** là thán từ, dùng để gọi một cách thân mật, thân thiết.  **3. Xác định từ tượng thanh, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn**  a. Trong câu tục ngữ, từ tượng thanh *uôm uôm* có tác dụng mô phỏng âm thanh của tiếng ếch kêu.  b. Nghĩa tường minh của câu tục ngữ: Khi ếch kêu uôm uôm thì ao chuôm đầy nước.      Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: Ếch kêu uôm uôm là dấu hiệu báo trời sắp mưa. Câu tục ngữ nêu lên một kinh nghiệm của dân gian về thời tiết. **III. VIẾT** **1. Điền thông tin về một số kiểu bài viết vào bảng sau:**(Bảng 3 – HỒ SƠ DẠY HỌC) **2.** Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài như: viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội, viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được cách triển khai chi tiết nội dung, cách trình bày và hiểu được cách làm bài văn sâu hơn các kì trước.**IV. NÓI VÀ NGHE****1. Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?**   Những nội dung thực hành nói và nghe:- Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.- Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.- Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.**2. Việc nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học qua các bài.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, sách tham khảo kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV cho bài tập- HS xác định yêu cầu bài tập**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS trình bày trước lớp**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập****- GV nhận xét, đánh giá.** |   |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm và tập viết đoạn văn.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập HS chọn một trong hai đề sau:- Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt. - Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước có sử dụng ít nhất một từ tượng hình hoặc tượng thanh**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá |    |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung bài vừa học

***- Bài sắp học:*** CB tốt bài Kiểm tra giữa kì I

**ND:02/11/2023**

**TIẾT 65,66: KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**A. KHỞI ĐỘNG**

 GV yêu cầu HS lấy giấy bút làm bài kiểm tra giữa kì 1

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

 - GV phát đề

 - HS đọc đề và làm bài

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết**:- Nhận biết được thể loại của văn bản.- Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản.- Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười.**Thông hiểu**:- Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến.- Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt.- Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện. **Vận dụng:**- Rút ra được thông điệp / bài học/ lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.**-** Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.**Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)**Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.**Vận dụng cao:**Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

 ------------------- HẾT-------------------

 **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | 1 | A | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | Bài học:- Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân. - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | 0,50,5 |
| 10 | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ: - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình. - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. | 0,50,5 |
| **II. Viết**  |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| b. *Xác định đúng yêu cầu của đề*.Tình yêu thương trong cuộc sống. |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:**Mở bài**:+ Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.+ Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.**Thân bài**: **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?**– ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.**+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)**- Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau. - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con. - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em. - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…**+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**- Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.- Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.- Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.- Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.- Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.- Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...**+ Dẫn chứng về tình yêu thương**- Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.- Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống. - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...* **\* Phản biện:** Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.**\* Liên hệ bản thân** - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn. - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người. - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh. - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...**Kết bài**:+ Khẳng định vai trò của tình yêu thương. + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | 3,50,50,250,251,00,50,250,250,5 |
| d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh. |

 **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

 **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**\* Hướng dẫn tự học:**

 **- Bài vừa học: nắm lại nội dung bài kiểm tra**

 **- Bài sắp học: Soạn VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

 **----------------------------------------------**

**TIẾT 67,68** **VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: ***Em đã từng viết đơn từ bày tỏ nguyện vọng, ý kiến nào chưa? Nếu có thì đó là về vấn đề nào?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống**

**a. Mục tiêu:**Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản và yêu cầu đối với kiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về kiểu văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK trang 123- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc và theo dõi**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Kiểu bài**Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống là kiểu văn bảnthông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ. **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản*** Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tổ chức hoặc cá nhân nhận kiến nghị, thông tin về người viết kiến nnghị; lí do, nội dung kiến nghị.
* Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc
* Bố cục văn bản thường các phần:

 |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được quy trình viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích văn bản mẫu**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- Dự kiến sản phẩm:**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.**\*Nhiệm vụ 2****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- Dự kiến sản phẩm:**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:****Câu 1. Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,…) của một bản kiến nghị?*****Trả lời:***– Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,…) của một bản kiến nghị:– Bố cục: 3 phần (Mở đầu, nội dung, kết thúc)– Cách trình bày thông tin trong từng phần: Phù hợp, chính xác, tường minh, dễ hiểu, rành mạch.**Câu 2. Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị.*****Trả lời:***– Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên các tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.**Câu 3. Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.*****Trả lời:***– Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị: Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập.– Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng:+ Đầy đủ 3 phần của một văn bản kiến nghị.+ Nội dung phù hợp với từng phần của văn bản.+ Trình bày rõ ràng logic từng nội dung.+ Tách phần rõ ràng, khoa học.**Câu 4. Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.*****Trả lời:***– Những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị: Trình bày mong muốn đơn kiến nghị được xem xét giải quyết, lời cảm ơn.**\*Hướng dẫn quy trình viết****Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kĩ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.****Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**• Đối với đề bài này, nội dung kiến nghị có thể là:- Mở lớp học bởi nhân dịp nghỉ hè- Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện. – Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho một môn học.- Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trước công trưởng vào giờ tan học, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh• Để bài viết đạt hiệu qua giao tiếp, trước khi viếtem xác định- Mục đích viết bản kiến nghị này là gì? – Cá nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị- Với mục đích, đối tượng đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào? • Tìm tư liệu liên quan đến bản kiến nghị bằng một số cách sau: - Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản kiến nghịtrong sách hoặc Internet – Đọc lại phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để học cách viết bản kiến nghị. – Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị,những đề xuất liên quan. Nếu vấn đề kiến nghị là của nhiều thành viên trong lớp, em cần thu thập đủ chữ kí của các bạn**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**• Để hình thành ý tưởng cho bài viết, em trả lời các câu hỏi sau: – Trường hoặc lớp em đang tồn tại vấn đề gì có thể gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?– Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?– Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó? – Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết?– Có cần và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung cần kiến nghị (ví dụ: ý kiến của học sinh, hình ảnh làm bằng chứng,...) hay không?Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự bố cục của văn bản:– Phần mở đầu: tên cơ quan, tổ chức (nếu có); quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm và thời gian viết kiến nghị; tên văn bản và tóm lược sự việc kiến nghị; người/ tổ chức nhận; thông tin cơ bản về người viết (lưu ý: nếu người viết đại diện cho ý kiến của tậpthể, cần ghi rõ người viết được tập thể uỷ quyền). – Phần nội dung: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị, đề xuất các hướng giải pháp**Bước 3: Viết**Khi viết em cần:• Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị• Ghi đúng người nhận kiến nghị (cá nhân hoặc cấp thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết).• Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục...**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** • Sau khi viết xong, đọc và kiểm tra lại bài viết của mình dựa vào bảng kiểm sauBảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống (xem ở phụ lục) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV xem và nhận xét bảng kiểm

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các bước viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

+ Soạn bài *tiếp theo*

 *-------------------------------------------------------------*

**TIẾT 69,70 NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đưa ra các từ khóa: ham danh, sính ngoại, lừa đảo, sĩ diện,….

yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV

- GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong xã hội của chúng ta ngày nay?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:  Xác định các bước trình bày bài nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.- GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.- Các nhóm luyện nói**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Các bước trình bày bài nói và nghe****Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói** Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, nhữngvấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mìnhCác vấn đề đó có thể là• Thôi ham danh, học đòi làm sang.\* Bệnh sĩ diện.• Thói lửa gạt• Thói sinh ngoại.Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trìnhbày phù hợp.**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** Để tìm ý cho bài nóiem hãy trả lời một số câu hoặc• Ý kiến của em về hiện tượng này là gi? Vì sao em có ý kiến như vậy? Nhữngbằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?• Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình?Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài Sự sống thiêng liêng)**Bước 3: Luyện tập và trình bày**Sử dụng những kĩ năng đã học ở bài Sự sống thiêng liêng để tự luyện tập. **Bước Bước 4: Trao đổi và đánh giá**• Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biệnLưu ý: cùng một vấn đề mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lí giải khác nhau và cần được tôn trọng.\* Sau buổi trình bày, có thể tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều cần làm rõ qua các phương tiện liên lạc cá nhân nếu cần. • Sử dụng Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (đã học ở bài Sự sống thiêng liêng) để tự đánh giá bài nói của mình và của người khác |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

**a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày****Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của xã hội**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **II. Các tiêu chí đánh giá** Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

 -------------------------------------------

**TIẾT 71 ÔN TẬP**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 5 bằng các câu hỏi

Câu 1: Thói xấu nào được nhắc đến trong vở kịch “Thuyền trưởng tàu viễn dương” ( Sĩ diện”

Câu 2: Thông điệp từ văn bản “Cái chúc thư” là gì? (phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân.)

Câu 3: Đặt câu có sử dụng trợ từ và cho biết chức năng của nó?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV dẫn vào bài Ôn tập

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 5***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**Hoàn thành các câu hỏi ôn tập- HS nhận nhiệm vụ.**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.**B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung(Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)**B4: Kết luận, nhận định (GV):** - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), | Xem ở mục lục |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong ***Bài 5***và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 5***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 5***

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

**Đáp án bài tập**

**Câu 1:** Nêu và giải thích đặc điểm của hài kịch. Minh hoạt một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã đọc.

Trả lời:

Các đặc điểm của hài kịch:

* Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xâu.
* Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động cúa các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, củử chỉ... ) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công - phản công: thăm dò - lảng tránh; chất vấn - chối cãi, thuyết phục - phủ nhận/ bác bỏ; cầu xin - từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột, qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.
* Xung đột kịch thường này sinh đựa trên sự di lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cải cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cải thấp kém với cái thấp kém,.... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cải thấp kém.
* Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân. (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.
* Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giá biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý vẻ cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào - ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...

Trong văn bản Thuyền trưởng tàu viễn dương

- Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.

- Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Anh Hưng là người lái tàu chở phân được ông nha kêu giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương...

- Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.

- Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.

**Câu 2:** Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, Thuyển trưởng tàu viễn dương.

Trả lời:

Chủ đề:

* Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả.
* Cái chúc thư: Văn bản khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả.
* Thuyền trưởng tàu viễn dương: Văn bản khắc họa bệnh sĩ của một người kém hiểu biết nhưng lại mắc bệnh sĩ.

Thủ pháp gây cười:

* Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.
* Cái chúc thư: Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả
* Thuyền trưởng tàu viễn dương: Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giả, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện mà lại thất bại, tạo nên tiếng cười cho đọc giả.

**Câu 3:** Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.

Trả lời:

- Ối chà ,người đâu mà giỏi thế không biết ?

Trong đó: thán từ là ối chà, trợ từ là không

**Câu 4:** Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?

Trả lời:

Vì các phần đều có vai trò riêng của mình,nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.

**Câu 5:** Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?

Một số lưu ý em rút ra được:- Cần tìm hiểu kĩ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.- Cần lắng nghe ý kiến của người khác, không nên quá áp đặt suy nghĩ của bản thân và bắt mọi người phải công nhận nó đúng.

- Trình bày rõ ràng từng luận điểm. Mỗi luận điểm cần đi kèm với lĩ lẽ và bằng chứng xác thực để tăng tính thuyết phục đối với người nghe.

**Câu 6:** Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?

Tiếng cười nhiều cung bậc, tiếng cười có giá trị, phê phán tố cáo xã hội lớn lao, có giá trị giáo dục thẩm mỹ sâu sắc. Tiếng cười trong cái hài là một loại vũ khí, phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Cái cười nảy sinh khi cái tư tiện làm ra vẻ vĩ đại, cái ngu ngốc tự làm ra vẻ thông thái, cái trì trệ ngưng đọng tự làm ra vẻ tràn đầy sức sống và phát triển. cái cười đánh gục sự trống rỗng bên trong vạu hèn mạt của những kẻ nuôi ảo vọng. Nói cách khác cái cười là phản ứng cảm xúc tcura con người trong ý thức thẩm mĩ của nó khi nhận các hiện tượng thực tại mang các xung đột hài kịch. Như vậy cái cười trong cái hài là cái cười đặc biệt nhằm vào đối tượng cụ thể, là cái cười có mục đích và ý nghĩa xã hội sâu sắc. Còn cái hài là giá trị khách quan của một hiện tượng xã hội, là cái cười cao cái cười có ý nghĩa và giá trị xã hội. Phù hợp với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

+ ***Soạn bài mới: Trả bài kiểm tra cuối kỳ 1***

**ND:/11/2023**

 **TIẾT 72 TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
|  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm, …mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.- GV dẫn vào bài học |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các kiến thức giữa kì qua các bài 1,2,3

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Nhận xét ưu và nhược điểm của bài làm** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý nhận xét ưu điểm và hạn chế của bài.- GV mời 1 HS phát đề- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS làm việc cá nhân**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.**\* Nhiệm vụ 2: Chữa các lỗi sai****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý lỗi sai trong bài.- GV mời 1 HS phát đề- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS làm việc cá nhân**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.**\* Nhiệm vụ 3: Kiểm tra lại bài và ghi điểm****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập** - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình về điểm- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS làm việc cá nhân**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → GV gọi tên – HS hô điểm – GV ghi vào sổ điểm | **I. Nhận xét** - Ưu điểm- Hạn chế **II. Chữa các lỗi sai**- Sai chính tả- Sai cách dùng câu- Trình bày đoạn văn chưa hợp lí- …**III. Gọi tên ghi điểm** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học các bài 1,2,3

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
|  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS *đọc nhanh và ghi nhớ, sau đó sắp xếp thứ tự các câu văn sao cho hợp lí để hoàn thiện đoạn văn mạch lạc.***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- Thực hiện hoàn thành bài tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

*Hs đọc nhanh và ghi nhớ, sau đó sắp xếp thứ tự các câu văn sao cho hợp lí để hoàn thiện đoạn văn mạch lạc. Chỉ ra câu chủ đề của đoạn văn, cách trình bày đoạn văn.*

1. Hiện nay, tình hình giao thông trên địa bàn thành phố đang có rất nhiều bất cập, đặc biệt là tình trạng ùn tắc giao thông.

2. Về lâu dài, nên mở rộng diện tích đất của trung tâm TP.HCM ra ngoại thành, tức là giãn dần ra khỏi khu hành chính trung tâm xuất hiện để thực hiện bài toán trên.

3. Đường thường xuyên tắc nghẽn vì những lý do sau: gần trường học, đường tàu chạy qua, trời mưa thường gặp nước, đèn giao thông bị hỏng mà không được can thiệp kịp thời của CSGT, ý thức của người dân...

4. Cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện nên kéo ra xa khỏi trung tâm.

5. Chống ùn tắc giao thông là vấn đề của toàn xã hội chứ không phải của riêng ngành CSGT.

Đáp án: + Thứ tự: 1 - 3 – 5 – 2 – 4

 + Câu chủ đề: Câu 1

 + Cách trình bày đoạn văn: diễn dịch

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập****Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Nắm nội dung bài vừa học

- Bài sắp học: Soạn bài 6: Tình yêu tổ quốc

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***